

ÔN TẬP

cuu duong than cong. com

GV: Tran Duc Dung

cuu duong than cong. com

PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1. Phương pháp tỷ trọng
2. Phương pháp đơn giá bình quân
3. Phương pháp hệ số phẩm cấp

cuu duong than cong. com

Phân tích chất lượng sản phẩm

TRƯỜNG HỢP SẢN PHẨM CÓ PHÂN CHIA THỨ HẠNG

(1) **Phương pháp tỷ trọng:** xác định tỷ trọng % của từng thứ hạng chất lượng qua các kỳ sau đó so sánh giữa kỳ nghiên cứu với kỳ gốc (áp dụng với SP ít thứ hạng => chính xác & nếu nhiều thứ hạng sẽ không chính xác. Không đánh giá được lợi ích và thiệt hại KT: But đơn giản dễ áp dụng, dễ hiểu)

Ví dụ: Đánh giá chất lượng sản phẩm M qua hai thang của công ty D&G

Thứ hạng chất lượng	Sản lượng sản xuất (cái)		Đơn giá (tr đ)		Tỷ trọng (%)		
	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 5	Tháng 6	+/-
Loại 1	10.000	15.000	15	14	40	50	+ 10
Loại 2	15.000	15.000	10	9	60	50	- 10
Loại 3	0	0	8	7.5	0	0	0
Tổng	25.000	30.000	X	X	100	100	0

Phương pháp tỷ trọng: loại 1 tháng 6 tăng 10%, loại hai giảm 10% so với tháng 5 => chất lượng sản phẩm M của công ty D&G tháng 6 tăng so với tháng 5

Phân tích chất lượng sản phẩm

(2) Phương pháp đơn giá bình quân: So sánh giá bình quân kỳ nghiên cứu với kỳ gốc. Nếu giá bình quân kỳ phân tích cao hơn kỳ gốc thì chất lượng sản phẩm tăng và ngược lại => xác định mức kết quả sản xuất tăng/giảm do chất lượng thay đổi

- **Điều kiện:** loại bỏ quan hệ cung cầu trên thị trường, giá và chất lượng có quan hệ trực tiếp (khác phức nhược điểm PP tỷ trọng)

- **Trong đó:**

- $\overline{P}_i$: Giá đơn vị bình quân sản phẩm (i)
- p_{ik} : Số lượng sản phẩm (i) thứ hạng chất lượng (k)
- p_{i0k} : Giá đơn vị sản phẩm (i) thứ hạng (k) kỳ gốc
- $\overline{P}_{1i}$, $\overline{P}_{0i}$: Đơn giá bình quân kỳ phân tích và kỳ gốc sản phẩm (i)
- q_{i1k} : Số lượng sản phẩm (i) thứ hạng (k) kỳ phân tích

$$\overline{P}_i = \frac{\sum q_{ik} \cdot p_{i0k}}{\sum q_{ik}}$$

$$\Delta GO = \sum q_{i1k} (\overline{P}_{1i} - \overline{P}_{0i})$$

Ví dụ: giá bình quân tháng 5: $\overline{P}_0 = (10.000 \times 15 + 15.000 \times 10) / 25.000 = 12$ (trđ/cái)

- Giá bình quân kỳ tháng 6 : $\overline{P}_1 = (15.000 \times 15 + 15.000 \times 10) / 30.000 = 12,5$ (trđ/cái)

- $\overline{P}_1 > \overline{P}_0$ chất lượng sản phẩm tháng 6 cao hơn tháng 5 làm tăng tổng giá trị sản xuất là $\Delta GO = \sum q_{i1k} (\overline{P}_{1i} - \overline{P}_{0i}) = 30.000 \cdot (12,5 - 12) = 15.000$ (tr đ)

Phân tích chất lượng sản phẩm

(3) Phương pháp hệ số phẩm cấp bình quân (bài tập số 10)

$$\overline{H_{PCi}} = \frac{\sum q_{ik} \cdot p_{i0k}}{\sum q_{ik} p_{0i(\text{loại1})}}$$

- Trong đó:

- H_{PCi} : Phẩm cấp bình quân sản phẩm (i)
- q_{ik} : Số lượng sản phẩm (i) thứ hạng chất lượng (k)
- p_{i0k} : Giá đơn vị sản phẩm (i) thứ hạng (k) kỳ gốc
- H_{PC1i} , H_{PC0i} : Phẩm cấp bình quân kỳ phân tích và kỳ gốc sản phẩm (i)
- q_{i1k} : Số lượng sản phẩm (i) thứ hạng (k) kỳ phân tích

VD: Hệ số phẩm cấp bình quân

-Tháng 6: $H1 = (15.000 \times 15 + 15.000 \times 10) / (30.000 \times 15) = 0,83$

-Tháng 5: $H0 = (10.000 \times 15 + 15.000 \times 10) / (25.000 \times 15) = 0,80$

$H1 > H0 \Rightarrow$ chất lượng sản phẩm tháng 6 cao hơn so với tháng 5

Bài tập số 10

Có tài liệu tại công ty D&N trong tháng như sau

Yêu cầu:

1. Phân tích chất lượng sản phẩm theo các phương pháp thích hợp
2. Phân tích tình hình sản xuất theo mặt hàng

Tên sản phẩm	Thứ hạng chất lượng	Số lượng (cái)		Đơn giá (1 triệu đ/ cái)	
		KH	TH	KH	TH
A	Loại 1	870	980	12	13
	Loại 2	320	310	5	6
	Loại 3	210	240	2	4
	Tổng	1.400	1.530	x	x
B	Loại 1	640	600	10	12
	Loại 2	900	800	6	8
	Σ	1.540	1.400	x	x

Mối quan hệ giữa kết quả SX với L Đ

- $Q = ??$
- $GO = ???$

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Phân tích quan hệ giữa kết quả sản xuất với tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào cơ bản

(5) Phân tích lao động: đánh giá về mặt số lượng và cơ cấu lao động giữa giá tiếp trực tiếp và các bộ phận – đánh giá lao động trực tiếp
(Bài tập số 12)

- **So sánh giản đơn:**

- $I_L = (L_{1i}/L_{0i}) \times 100;$
- $\Delta L = L_{1i} - L_{0i}$

- **So sánh liên hệ kết quả SX**

- $I_{LQ} = (L_{1i}/(L_{0i} \cdot I_Q)) \times 100\%$
- $\Delta L_Q = L_{1i} - (L_{0i} \cdot I_Q):$
- **Nếu $I_{LQ} > 100\%$, $\Delta L_Q > 0$ DN sử dụng lao động lãng phí và ngược lại**

Phân tích biến động số lượng & cơ cấu lao động

Loại lao động	Kế hoạch		Thực hiện		Thực hiện so với KH		
	Số người	Tỷ trọng (%)	Số người	Tỷ trọng (%)	+/-	%	+/- về tỷ trọng
1. Lao động trực tiếp -Phân xưởng 1 -Phân xưởng 2 -....							
2. Lao động gián tiếp -P. kỹ thuật -P. Quản lý -P. hành chính -...							
Tổng		100		100			0

Phân tích quan hệ giữa kết quả sản xuất với tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào cơ bản

(1) Tỷ lệ hoàn thành KH Tổng giá trị sản xuất:

- Tỷ lệ % HTKH

$$I_{GO} = \frac{GO_1}{GO_0} \times 100(\%)$$

- Biến động tuyệt đối (+/-): $\Delta GO = GO_1 - GO_0$

- PP liên hệ với chi phí:

$$I_{GO} = \frac{GO_1}{GO_0 \cdot I_{cp}} \times 100(\%)$$

- Biến động tương đối: $\Delta GO = GO_1 - GO_0 \cdot I_{cp}$

(2) Quan hệ kết quả sản xuất với lao động (*bài tập số 5 – 17*)

$$\begin{aligned} GO &= L \times \overline{W}_L \\ WL &= N_{ht} \times \overline{W}_{ng} \\ W_{ng} &= \overline{Đ}_{ht} \times \overline{W}_g \\ GO &= L \times \overline{N}_{ht} \times \overline{Đ}_{ht} \times \overline{W}_g \end{aligned}$$



Phân tích giá thành sản phẩm

- Đánh giá chung
- Đánh giá riêng ...

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Đánh giá khái quát về giá thành sản phẩm

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản xuất của toàn bộ sản phẩm hàng hóa (đánh giá chung)

$$T_z = \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{1i}}{\sum q_{1i} \cdot z_{0i}} \times 100(\%)$$

- T_z : Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch giá thành chung cho toàn bộ SPHH

- Q_{1i} : số lượng sản phẩm (i) sản xuất thực tế

- Z_{0i}, z_{1i} : Giá thành đơn vị sản phẩm (i) kế hoạch và thực tế

- **Nếu $T_z < 100\%$** : DN đã hoàn thành vượt KH về giá thành của toàn bộ sản phẩm $\Rightarrow$ chi phí mà doanh nghiệp tiết kiệm được do hạ giá thành là

$$(\sum q_{1i} \cdot z_{1i} - \sum q_{1i} \cdot z_{0i}) < 0$$

- **Nếu $T_z > 100\%$** : DN đã không hoàn thành KH về giá thành của toàn bộ sản phẩm $\Rightarrow$ chi phí mà doanh nghiệp đã lãng phí do giá thành tăng là

$$(\sum q_{1i} \cdot z_{1i} - \sum q_{1i} \cdot z_{0i}) > 0$$

Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

(3) Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm

- Đánh giá chung: Sử dụng PP so sánh gián tiếp

- $t_{zi} = (Z_{1i}/Z_{0i}) \times 100$; $\Delta Z_i = Z_{1i} - Z_{0i}$

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng

$$C_{Mi} = \sum m_{ij} p_{ij}$$

$$C_{Li} = \sum t_{in} l_{in}$$

- C_{Mi} Chi phí NVL trực tiếp để sx ra 1 đơn vị sản phẩm (i)

- C_{Li} Chi phí nhân công trực tiếp để sản xuất ra 1 đơn vị SP (i)

- m_{ij} : định mức hao phí NVL (j) cho 1 đơn vị sản phẩm (i)

- P_{ij} : Đơn giá NVL (j) để sản xuất sản phẩm (i)

- T_{in} : thời gian định mức công việc (n) để sản xuất 1 đơn vị SP (i)

- L_{in} đơn giá tiền lương trên 1 đơn vị thời gian hao phí công đoạn (n)

⇒ Bên cạnh đó còn xác định tỷ trọng của từng khoản mục chi phí và đánh giá sự biến động cơ cấu giá thành đơn vị sản phẩm => xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp

⇒ **Bài tập 22 yêu cầu 1.**



Chi phí trên 1000 đ DT - GTSLHH

- $F = ??$
- Đơn vị: nd ?; trđ ? đ ?

• ...

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

(5) Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí trên 1000 đồng giá trị sản phẩm hàng hóa

$$F_0 = \frac{\sum q_{0i} \cdot z_{0i}}{\sum q_{0i} \cdot p_{0i}} \times 1000 \quad F_1 = \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{1i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{1i}} \times 1000$$

- F1, F0: chi phí sx trên 1000 đ giá trị sản phẩm hàng hóa TT&KH
- Q_{1i}, q_{0i}: số lượng sản phẩm (i) thực tế & KH
- P_{1i}; p_{0i}: giá bán không thuế GTGT đơn vị sản phẩm (i) TT&KH (giáo trình)
- Z_{1i}, Z_{0i}: giá thành đơn vị sản phẩm (i) TT&KH

⇒ **Đối tượng phân tích**

- $\Delta F = F_1 - F_0$
- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch:

$$I_F = \frac{F_1}{F_0} \times 100 \%$$

(5) Phân tích chi phí trên 1000 đồng GTSLHH

- Nếu $\Delta F < 0$ phản ánh chi phí mà doanh bỏ ra để có 1000đ doanh thu (gtslhh) càng nhỏ, lợi nhuận doanh nghiệp càng tăng, kinh doanh càng hiệu quả. Hay cứ có được 1000 đồng thì DN tiết kiệm được mấy đồng chi phí, và ngược lại nếu $\Delta F > 0$.
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng: PP loại trừ- thay thế liên hoàn
- Do sản lượng hành hóa: $\Delta F_q = 0$

Vì giả định các nhân tố khác không thay đổi: $q_{1i} = \alpha \cdot q_{0i}$

- Do cơ cấu sản lượng $\Delta F_k = \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{0i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{0i}} \times 1000 - \frac{\sum q_{0i} \cdot z_{0i}}{\sum q_{0i} \cdot p_{0i}} \times 1000$

- Do nhân tố giá thành đơn vị SP $\Delta F_z = \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{1i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{0i}} \times 1000 - \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{0i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{0i}} \times 1000$

(5) Phân tích chi phí trên 1000 đồng GTSLHH

- Do nhân tố giá bán đơn vị sản phẩm

$$\Delta F_p = \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{1i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{1i}} \times 1000 - \frac{\sum q_{1i} \cdot z_{1i}}{\sum q_{1i} \cdot p_{0i}} \times 1000$$

- Tổng hợp: $\Delta F = F_1 - F_0 = \Delta F_q + \Delta F_k + \Delta F_z + \Delta F_p$
 $\Delta F = \Delta F_k + \Delta F_z + \Delta F_p$

- Ví dụ: Công ty D&N kinh doanh mặt hàng điện tử và tình thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong tháng 4/2011 có tình hình như sau

Sản phẩm	Sản lượng (cái)		Giá thành đơn vị SP (1000 đ)		Giá bán đơn vị SP cả thuế GTGT (10%)	
	KH	TT	KH	TT	KH	TT
A	10.000	9.500	400	400	660	660
B	20.000	20.000	300	290	550	550
C	30.000	32.000	200	195	352	330

Sp	Tổng giá thành tính theo (10.000 đ)			Tổng giá trị sản phẩm hàng hóa tính theo (10.000)			F	
	$q_{0i}z_{0i}$	$q_{1i}z_{0i}$	$q_{1i}z_{1i}$	$q_{0i}p_{0i}$	$q_{1i}p_{0i}$	$q_{1i}p_{1i}$	F_0	F_1
A	400	380	380	600	570	570	666,67	666,67
B	600	600	580	1.000	1.000	1.000	600,00	580,00
C	600	640	624	960	1.024	960	625,00	650,00
Σ	1.600	1.620	1.584	2.560	2.594	2.530	625,00	626,09

$\Delta F = 626,09 - 625 = + 1,09$ (đồng)

$IF = (626,09/625) \times 100 = 100,2\% (+ 0,2\%)$

Điều này phản ánh để có được 1000 đồng GTSLHH thì thực tế DN phải bỏ ra thêm 1,09 đồng chi phí sản xuất. Với sản lượng thực tế là 25.300.000 thì thực tế DN phải chi phí tăng thêm là $(25.300.000 \times 1,09)/1000 =$

-Do ảnh hưởng các nhân tố:

•Cơ cấu sản lượng: $(1620 : 2594).1000 - 625 = 624,52 - 625 = - 0,48$ (đ)

•Do nhân tố giá thành ĐVSP:

$(1584 : 2594).1000 - 624,52 = 610,64 - 624,52 = - 13,88$ (đ)

•Do nhân tố giá bán đvsp: $626,09 - 610,64 = + 15,45$ (đ)

•Tổng hợp: $\Delta F = 626,09 - 625 = + 1,09 = (- 0,48) + (- 13,88) + (+15,45) = 1,09$ đồng

Nhận xét

- **Tổng quát:** DN không hoàn thành KH chi phí trên 1000 gtslhh làm tăng chi phí là 1,09 đ/1000 đ
- **Cụ thể:**
 - Do giá bán dvsp (C) giảm, sản phẩm A&B không đổi là cho chi phí này tăng 15,45 đ => DN phải tìm hiểu nguyên nhân do chất lượng sản phẩm (NVL, tay nghề,...) hay do quan hệ cung cầu trên thị trường => Biện pháp...
 - Nhân tố sản lượng và đặc biệt giá thành đơn vị làm cho chỉ tiêu chi phí này giảm 14,36 đ (do giá thành làm giảm 13,88 đ) => DN quản lý sản xuất tốt, nếu giá bán không đổi thì DN sẽ tiết kiệm được 14,36 đ/1000 đ
 - Doanh nghiệp cần phải xem xét 2 vấn đề trên: vì DN mua NVL với giá rẻ để giảm chi phí sx dẫn đến chất lượng SP kém => giá bán SP giảm dẫn đến hiệu quả kinh doanh giảm => DN cần có biện pháp điều chỉnh hợp lý...
 - **Bài tập 22, yêu cầu 2**

Chi phí NVL

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Phân tích tình hình thực hiện các khoản chi phí chủ yếu

(3) Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí NVL

- Kỳ gốc: $C_{M0} = \sum \sum q_{0i} \cdot m_{0ij} \cdot p_{0ij} - PL_0$
- Kỳ nghiên cứu: $C_{M1} = \sum \sum q_{1i} \cdot m_{1ij} \cdot p_{1ij} - PL_1$
- C_{M1} , C_{M0} Tổng chi phí NVL trực tiếp thực tế và KH
- q_{0i} Số lượng sản phẩm i sản xuất trong kỳ
- m_{0i} Định mức hao phí NVL (j) cho 1 đơn vị sản phẩm (i)
- p_{1i} Đơn giá NVL (j)
- PL_1 Giá trị phế liệu thu hồi

⇒ Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch:

$$I_c = \frac{C_{M1}}{C_{M0}} \times 100(\%)$$

⇒ Chênh lệch tuyệt đối: $\Delta C_M = C_{1M} - C_{0M}$

(3) Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí NVL

- Tỷ lệ hoàn thành KH chi phí NVL liên hệ kết quả sản xuất

$$I_{C/Q} = \frac{C_{M1}}{C_{M0} I_Q} \times 100(\%)$$

- Mức độ tiết kiệm hay lãng phí NVL: $\Delta C_{M/Q} = C_{1M} - C_{0M} \cdot I_Q$

- Ảnh hưởng của các nhân tố

- Do khối lượng sản phẩm: $\Delta C_{MQ} = \sum \sum (q_{1i} - q_{0i}) m_{0ij} \cdot p_{0ij}$
- Do định mức hao phí NVL: $\Delta C_{Mm} = \sum \sum q_{1i} (m_{1ij} - m_{0ij}) \cdot p_{0ij}$
- Do đơn giá NVL: $\Delta C_{Mp} = \sum \sum q_{1i} m_{1ij} (p_{1ij} - p_{0ij})$
- Do giá trị phế liệu thu hồi : $\Delta PL = -(PL_1 - PL_0)$
- Tổng hợp và kết luận: $\Delta C_M = \Delta C_{MQ} + \Delta C_{Mm} + \Delta C_{Mp} + \Delta PL$
- Ngoài ra còn phân tích định mức tiêu hao NVL cho 1 đvsp (giáo trình)



Tiêu thụ

cuu duong than cong. com

Đánh giá khái quát hoạt động tiêu thụ

- Đánh giá khái quát tình hình tiêu thụ về mặt số lượng

$$T_t = \frac{\sum q_{1i} \cdot p_{0i}}{\sum q_{0i} \cdot p_{0i}} \times 100$$

- Trong đó:

- T_t : Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiêu thụ
- q_{1i}, q_{0i} : Khối lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ (i) tiêu thụ thực tế và KH
- p_{0i} : Giá bán đơn vị sản phẩm dịch vụ (i) kế hoạch (không bao gồm thuế GTGT)
- Nếu $> 100\%$: DN vượt KH tiêu thụ SPHHDV
- Nếu $< 100\%$: DN không hoàn thành KH tiêu thụ SPHHDV
- Nếu $= 100\%$: DN hoàn thành KH tiêu thụ SPHHDV
- **Bài tập 33: yêu cầu 3**

Phân tích tình hình tiêu thụ theo mặt hàng

- Phân tích tiêu thụ từng mặt hàng SPDV với các mặt hàng chủ yếu và khác hàng chủ yếu – truyền thống
- Giúp cho DN quản lý được SPHHDV nào tiêu thụ được, với mức độ bao nhiêu, mặt hàng nào không bán được,...=> quyết định SXKD kỳ tới
- **Nguyên tắc:**
 - Không bù trừ mặt hàng vượt KH cho mặt hàng không hoàn thành KH
 - Cần lấy theo thước đo hiện vật so sánh thực tế với KH từng mặt hàng chủ yếu

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2.4.2. Phân tích tình hình tiêu thụ theo mặt hàng

- Tỷ lệ chung về tình hình hoàn thành KH tiêu thụ mặt hàng

$$T_M = \frac{\sum q_{1i}^k \cdot p_{0i}}{\sum q_{0i} \cdot p_{0i}} \times 100$$

- T_M : Tỷ lệ chung thực hiện KH tiêu thụ theo mặt hàng
- Nếu $T_M = 100\%$: Doanh nghiệp hoàn thành KH
- Nếu $T_M < 100\%$: Doanh nghiệp không hoàn thành KH
- Nếu $T_M > 100\%$? ? **Max & min của T_M**
- q_{1i}^k : Số lượng sản phẩm (i) tiêu thụ thực tế trong giới hạn KH (nếu TH $\geq$ KH lấy theo KH, nếu TH $<$ KH lấy theo thực tế: Lim = KH). Lấy sản lượng nhỏ giữa TH & KH
- p_{0i} : Giá bán đơn vị sản phẩm (i) theo KH không gồm GTGT
- **Bài tập 33: yêu cầu 3**

Bảng phân tích tình hình tiêu thụ theo mặt hàng & theo thị trường

Mặt hàng – thị trường tiêu thụ	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với Kế hoạch	
			+/-	%
1. Mặt hàng A				
- Thị trường X				
- Thị trường Y				
- ...				
2. Mặt hàng B				
- Thị trường M				
- Thị trường N				
- ...				

LỢI NHUẬN

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Phân tích lợi nhuận tiêu thụ

- **Phân tích hai chỉ tiêu:** Tổng lợi nhuận gộp về tiêu thụ & tổng lợi nhuận thuần về tiêu thụ
- **Tổng lợi nhuận gộp về tiêu thụ:** là chỉ tiêu phản ánh chênh lệch giữa tổng doanh thu thuần về tiêu thụ HHDV với tổng giá vốn HHDV đã tiêu thụ, đây là căn cứ để các nhà QL xác định hiệu quả kinh doanh, mặt hàng kinh doanh và phương án kinh doanh
- **Công thức xác định**

Tổng lợi nhuận gộp về tiêu thụ:

Công thức

$$G_f = \sum q_i(p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i)$$

$$\text{Hay } G_f = \sum q_i(n_i - c_i) \text{ hoặc } G_f = \sum q_i f_i$$

- Trong đó

- G_f : Tổng lợi nhuận gộp
- q_i : số lượng mặt hàng (i) tiêu thụ
- p_i : giá bán đơn vị sản phẩm (*không có VAT*)
- d_i : chiết khấu thương mại
- r_i : doanh thu hàng bán bị trả lại trên 1 đvsp i
- g_i : giảm giá hàng bán đvsp i
- t_i : Thuế tiêu thụ mặt hàng i (Thuế XK, thuế tiêu thụ ĐB, VAT theo phương pháp trực tiếp)
- c_i : giá vốn hàng bán đơn vị sản phẩm i
- f_i : lợi nhuận gộp đơn vị sản phẩm i: $f_i = (p_i - d_i - r_i - g_i - t_i - c_i)$
- n_i : doanh thu thuần đơn vị sản phẩm i: $n_i = p_i - d_i - r_i - g_i - t_i$

Tổng lợi nhuận thuần về tiêu thụ:

- **Tổng lợi nhuận thuần về tiêu thụ:** Là chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về tiêu thụ với tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- **Công thức:** $P_f = G_f - S - A$
- *Trong đó:*
- G_f : Tổng lợi nhuận gộp
- P_f : Tổng lợi nhuận thuần
- S : Tổng chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ
- A : Tổng chi phí quản lý DN phát sinh trong kỳ

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về lợi nhuận

- Xác định lợi nhuận gộp thực tế và kế hoạch
- Thực tế:

$$G_{f1} = \sum q_{i1}(p_{i1} - d_{i1} - r_{i1} - g_{i1} - t_{i1} - c_{i1})$$

$$\text{Hay } G_{f1} = \sum q_{i1}(n_{i1} - c_{i1}) \text{ hoặc } G_{f1} = \sum q_{i1}f_{i1}$$

- Kế hoạch:

$$G_{f0} = \sum q_{i0}(p_{i0} - d_{i0} - r_{i0} - g_{i0} - t_{i0} - c_{i0})$$

$$\text{Hay } G_{f0} = \sum q_{i0}(n_{i0} - c_{i0}) \text{ hoặc } G_{f0} = \sum q_{i0}f_{i0}$$

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về lợi nhuận

- Xác định lợi nhuận thuần thực tế và kế hoạch
- Thực tế:

$$G_{f1} = \sum q_{i1}(p_{i1} - d_{i1} - r_{i1} - g_{i1} - t_{i1} - c_{i1}) - S_1 - A_1$$

$$\text{Hay } G_{f1} = \sum q_{i1}(n_{i1} - c_{i1}) - S_1 - A_1$$

$$\text{hoặc } G_{f1} = \sum q_{i1}f_{i1} - S_1 - A_1$$

- Kế hoạch:

$$G_{f0} = \sum q_{i0}(p_{i0} - d_{i0} - r_{i0} - g_{i0} - t_{i0} - c_{i0}) - S_0 - A_0$$

$$\text{Hay } G_{f0} = \sum q_{i0}(n_{i0} - c_{i0}) - S_0 - A_0$$

$$\text{hoặc } G_{f0} = \sum q_{i0}f_{i0} - S_0 - A_0$$

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch về lợi nhuận

- Đánh giá:

- Tỷ lệ hoàn thành KH:
$$I_G = \frac{G_{1f}}{G_{0f}} \times 100(\%)$$

- Chênh lệch tuyệt đối: $\Delta G_{f1} = G_{1f} - G_{0f}$

- Nếu $I_G > 100\%$, $\Delta G_{f1} > 0$: DN vượt KH về chỉ tiêu LN
- Nếu $I_G = 100\%$, $\Delta G_{f1} = 0$: DN hoàn thành KH về chỉ tiêu LN
- Nếu $I_G < 100\%$, $\Delta G_{f1} < 0$: DN không hoàn thành KH về chỉ tiêu LN

Các nhân tố ảnh hưởng

- 1. Do sản lượng tiêu thụ:

$$\Delta G_q = (T_t - 1)G_{of}$$

- 2. Do kết cấu sản phẩm hàng hoá tiêu thụ

$$\Delta G_k = \Sigma(q_{i1} - q_{i0})(p_{i0} - d_{i0} - r_{i0} - g_{i0} - t_{i0} - c_{i0}) - \Delta G_q$$

- 3. Do giá bán đơn vị sản phẩm

$$\Delta G_p = \Sigma q_{i1}(p_{i1} - p_{i0})$$

- 4. Do chiết khấu thương mại

$$\Delta G_d = - \Sigma q_{i1}(d_{i1} - d_{i0})$$

- 5. Do doanh thu hàng bán bị trả lại trên đvsp

$$\Delta G_r = - \Sigma q_{i1}(r_{i1} - r_{i0})$$

- 6. Do giảm giá hàng bán

$$\Delta G_d = - \Sigma q_{i1}(g_{i1} - g_{i0})$$

Các nhân tố ảnh hưởng

- 7. Do thuế tiêu thụ đvsp hàng hoá tiêu thụ

$$\Delta G_t = - \sum q_{i1} (t_{i1} - t_{i0})$$

- 8. Do giá vốn hàng bán đơn vị sản phẩm

$$\Delta G_c = - \sum q_{i1} (c_{i1} - c_{i0})$$

- 9. Do doanh thu thuần trên 1 đvsp

$$\Delta G_d = \sum q_{i1} (n_{i1} - n_{i0})$$

- 10. Do lợi nhuận gộp trên 1 đvsp

$$\Delta G_d = \sum q_{i1} (f_{i1} - f_{i0})$$



Tổng hợp & nhận xét

- Tổng hợp lợi nhuận gộp

$$\Delta G_f = \Delta G_q + \Delta G_k + \Delta G_p + \Delta G_d + \Delta G_r + \Delta G_g + \Delta G_t + \Delta G_c$$

$$\text{Hoặc } \Delta G_f = \Delta G_q + \Delta G_k + \Delta G_n + \Delta G_c$$

$$\text{Hoặc } \Delta G_f = \Delta G_q + \Delta G_f$$

- Nhận xét & kết luận:....



Lợi nhuận thuần

- Do tổng chi phí bán hàng

$$\Delta G_s = - (S_1 - S_0)$$

- Do tổng chi phí quản lý DN

$$\Delta G_s = - (A_1 - A_0)$$

- Tổng hợp lợi nhuận thuần

$$\Delta P_{f1} = (\Delta G_q + \Delta G_k + \Delta G_p + \Delta G_d + \Delta G_r + \Delta G_g + \Delta G_t + \Delta G_c) + \Delta G_s + \Delta G_A$$

$$\Delta P_{f1} = \Delta G_f + \Delta G_s + \Delta G_A$$

Ví dụ

SP	Số lượng sản phẩm tiêu thụ (cái)		Giá bán đvsp gồm cả VAT (nđ/cái)		Chiết khấu thương mại (nđ/cái)		Giá giảm giá hàng bán đvsp (nđ/cái)		Giá vốn hàng bán (nđ/cái)	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
A	7.000	6.300	440	440	5	4	1	0	300	310
B	6.000	5.400	275	308	3	3	0	1	180	170
C	3.000	3.600	330	330	3	4	1	2	250	240

Bảng tính

(chú ý tính theo giá không có thuế VAT)

SP	Tổng doanh thu tính theo			Tổng chiết khấu TM tính theo			Tổng giảm giá hàng bán tính theo		
	$q_{0i} \cdot p_{0i}$	$q_{1i} \cdot p_{0i}$	$q_{1i} \cdot p_{1i}$	$q_{0i} \cdot d_{0i}$	$q_{1i} \cdot d_{0i}$	$q_{1i} \cdot d_{1i}$	$q_{0i} \cdot g_{01}$	$q_{1i} \cdot g_{01}$	$q_{1i} \cdot g_{1i}$
A	280.000	252.000	252.000	3.500	3.150	2.520	700	630	0
B	150.000	135.000	151.000	1.800	1.620	1.620	0	0	540
C	90.000	108.000	108.000	900	1.080	1.440	300	360	720
Σ	520.000	495.000	511.200	6.200	5.850	5.580	1.000	990	1.260

Bảng tính

Sản phẩm	Tổng giá vốn hàng bán tính theo			Tổng lợi nhuận gộp	
	$q_{0i} \cdot c_{0i}$	$q_{1i} \cdot c_{0i}$	$q_{1i} \cdot c_{1i}$	Năm trước	Năm nay
A	210.000	189.000	195.300	65.800	54.180
B	108.000	97.200	91.800	40.200	57.240
C	75.000	90.000	86.400	13.800	19.440
Σ	393.000	376.200	373.500	119.800	130.860

Phân tích

- Tỷ lệ hoàn thành KH:

- $(130.860 : 119.800) \cdot 100\% = 109,2\% (+ 9,2\%)$
- Chênh lệch tuyệt đối: $130.860 - 119.800 = + 11.060$ (nđ)

- Do ảnh hưởng của các nhân tố

• Do sản lượng tiêu thụ

$$\Delta G_q = ((495.000 : 520.000) - 1) \times 119.800 = - 5.760$$

• Do cơ cấu mặt hàng tiêu thụ

$$\Delta G_k = (6.300 - 7000)(400 - 5 - 1 - 300) + (5.400 - 6.000)(250 - 3 - 180) + (3.600 - 3.000)(300 - 3 - 1 - 250) - (- 5.760) = - 2.080$$

- Do giá bán đvsp: $\Delta G_k = 511.200 - 495.000 = +16.200$

- Do chiết khấu TM: $\Delta G_d = - (5.580 - 5.850) = + 270$

- Do giảm giá: $\Delta G_g = - (1.260 - 990) = - 270$

- Do giá vốn đvsp: $\Delta G_g = - (373.500 - 376.200) = - 2.700$

Tổng hợp

- Những nhân tố làm tăng

- Do giá bán đvsp: $\Delta G_k = 511.200 - 495.000 = +16.200$
- Do chiết khấu TM: $\Delta G_d = - (5.580 - 5.850) = + 270$
- Do giá vốn đvsp: $\Delta G_g = - (373.500 - 376.200) = + 2.700$
- Tổng tăng: + 19.170

- Những nhân tố làm giảm

- Do sản lượng tiêu thụ: $\Delta G_q = - 5.760$
- Do cơ cấu mặt hàng tiêu thụ: $\Delta G_k = - 2.080$
- Do giảm giá: $\Delta G_g = - (1.260 - 990) = - 270$
- Tổng giảm: - 8.110

- Tổng các nhân tố: + 11.060

- Nhận xét:....

- Bài tập số 33:



See you again & good luck !!



Trần Đức Dũng: ĐHKQTĐ
trandung702003@yahoo.com
ĐT: 0912313229

cuu duong than cong. com

